

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2023/DS-ST**

Ngày 25-9-2023

"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Viện và ông Lê Văn Ninh

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên: Bà Đinh Thị Hương Lý – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2023/TLST -DS ngày 19 tháng 05 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXX-DS ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (B BANK)

Địa chỉ trụ sở: số X, đường Q, phường Q, TPV, tỉnh N

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái H, sinh năm 1958; chức vụ Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Lê C – chức vụ Giám đốc ngân hàng TMCP B – CN Thái Nguyên; địa chỉ: Số Y, đường LNQ, tổ X, phường ĐQ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo Quyết định v/v Ủy quyền liên quan đến hoạt động tố tụng và thi hành án số 321/2022/QĐ-TGD ngày 18/03/2022 của bà Thái H-Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B).

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Huệ L, chuyên viên Ngân hàng TMCP -Chi nhánh Thái Nguyên (Theo Giấy ủy quyền số 17A/2023/UQ-B BANK ngày 21/4/2023 của Giám đốc chi nhánh B BANK-Chi nhánh Thái Nguyên)

2. Bị đơn:

2.1 Anh Trần Công D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ A (tổ B cũ), phường C, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2.2 Chị Lý Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi thường trú: xóm BM, xã TT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, nơi tạm trú khi ký kết hợp đồng tín dụng: tổ A (tổ B cũ), phường C, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 13/02/2020 Ngân hàng TMCP B -Chi nhánh Thái Nguyên ký kết hợp đồng tín dụng số 32003351.13.02.2020/HĐTD-BBank, phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL01-32003351.13.02.2020/HĐTD-BBank với anh Trần Công D và chị Lý Thị H theo đó Ngân hàng cho vay với tổng số tiền là 623.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu đồng). Thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay là bổ sung chi phí mua xe ô tô cá nhân phục vụ mục đích đi lại. Lãi suất trong hạn: cho vay thả nổi 8,99%/năm, áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, kể từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ) của B BANK tại thời điểm điều chỉnh + biên độ là: 5.5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc, lãi chậm trả: theo mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi. Trả nợ gốc: trả thành 78 kỳ, 01 tháng/kỳ vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu vào ngày 25/02/2020, 02 kỳ đầu mỗi kỳ trả 7.416.000 đ/kỳ, 75 kỳ tiếp theo mỗi kỳ trả 8.002.000 đồng/kỳ bắt đầu vào ngày 25/10/2020, riêng kỳ cuối cùng trả 8.018.000 đ/kỳ vào ngày đáo hạn khoản vay, trả nợ lãi: hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, B BANK-Chi nhánh Thái Nguyên đã giải ngân đủ cho anh Trần Công D và chị Lý Thị H số tiền vay là 623.000.000 đồng, theo Khế ước nhận nợ số 001– 32003351.13.02 2020/HĐTD-BBank ngày 13/02/2020, có đầy đủ chữ ký xác nhận của bên vay.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh Trần Công D và chị Lý Thị H đã thế chấp cho B BANK – Chi nhánh Thái Nguyên tài sản là 01 xe ô tô hiệu xe: FORD - số loại: RANGER, BKS: 20C -181.01, loại xe tải pickup cabin kép 05 chỗ màu ghi vàng (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062279 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 12/02/2020 cho anh Trần Công D, cấp đăng ký lần đầu ngày 11/02/2020). Việc thế chấp được thực hiện bằng Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 32003351.13.02.2020/HĐTC- BBank ngày 13/02/2020 và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại thành phố Hà Nội, số đăng ký 1360319486 ngày 13/02/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần Công D và chị Lý Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thường xuyên đôn đốc nhắc nợ đối với anh D và chị H nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu anh D và chị H phải trả nợ cho tạm tính đến ngày 12/4/2023 anh D và chị H nợ số tiền là 422.514.868 đồng (trong đó: Nợ gốc quá hạn là 400.116.000 đồng, Nợ lãi trong hạn là: 20.880.637 đồng, Lãi phải trả trên dư nợ gốc quá hạn là: 1.087.203 đồng, Phạt chậm trả lãi trong hạn là: 431.028 đồng). Sau khi ngân hàng khởi kiện anh D tiếp tục thanh toán được cho ngân hàng số tiền 34.000.000 đồng làm 03 đợt: ngày 15/4/2023 thanh toán số tiền 3.000.000 đồng; ngày 16/4/2023 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng; ngày 02/6/2023 thanh toán 1.000.000 đồng, do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 32003351.13.02.2020/HĐTD-BBank, phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL01- 32003351.13.02.2020/HĐTD-BBank và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 32003351.13.02.2020/HĐTC-BBank ngày 13/02/2020 đã ký giữa vợ chồng anh D và chị H với B BANK – Chi nhánh Thái Nguyên.

3. Trường hợp anh Trần Công D và chị Lý Thị H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì B BANK được quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô hiệu xe: FORD - số loại: RANGER, BKS: 20C – 181.01, loại xe tải pickup cabin kép 05 chỗ màu ghi vàng (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062279 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 12/02/2020 cho anh Trần Công D, cấp đăng ký lần đầu ngày 11/02/2020).

4. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho B BANK thì anh Trần Công D và chị Lý Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B BANK cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

*Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải anh D xác nhận anh và chị Lý Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng với B BANK ngày 13/02/2020 để vay số tiền 623.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung chi phí mua xe ô tô cá nhân phục vụ sung mục đích đi lại, anh đã được ngân hàng giải ngân số tiền trên ngày 13/02/2020. Trong quá trình vay anh thực hiện trả nợ theo đúng hợp đồng, tuy nhiên trong thời gian vừa qua kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên đến tháng 02/2023 anh đã không trả được nợ cho ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng anh D đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô Ford số loại Ranger Biển số 20C-181.01 tên chủ xe Trần Công D, anh nhất trí trả nợ theo yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên đề nghị Ngân hàng xem xét giảm toàn bộ phần lãi quá hạn và lãi phạt

để gia đình có điều kiện thanh toán 01 lần cho ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án chị H không có mặt nơi thường trú và nơi tạm trú khi ký kết hợp đồng tín dụng đồng thời không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, tại buổi làm việc ngày 18/8/2023 chị H xác định đã được mẹ chồng thông báo Tòa án có đến nhà làm việc, chị xác định số tiền trên anh D vay đồng thời là người quản lý tài sản thế chấp do đó anh D phải có trách nhiệm trả nợ.

*Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện về các nội dung đã đề nghị, đối với số tiền yêu cầu khởi kiện Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tính tới ngày xét xử: Buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải trả ngay một lần tổng số tiền đến ngày xét xử (25/9/2023) là: 414.547.628 đồng (trong đó: tiền nợ gốc trong hạn 320.096.000 đồng, nợ gốc quá hạn 66.900.198 đồng; nợ lãi trong hạn: 24.056.301 đồng; lãi phải trả trên dư nợ gốc quá hạn: 2.967.320 đồng; lãi chậm trả: 527.809 đồng). Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc anh D, chị H tiếp tục phải trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, giải quyết vụ án cũng như chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với anh D và chị H. Buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 414.547.628 đồng (trong đó tiền nợ gốc trong hạn 320.096.000 đồng, nợ gốc quá hạn 66.900.198 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.056.301 đồng; Lãi phải trả trên dư nợ gốc quá hạn: 2.967.320 đồng; lãi chậm trả: 527.809 đồng).

Anh D, chị H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp anh Trần Công D và chị Lý Thị H không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 xe ô tô hiệu xe: FORD-số loại: RANGER, BKS: 20C-181.01, loại xe tải pickup cabin kép 05 chỗ màu ghi vàng, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062279 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 12/02/2020 cho anh Trần Công D, cấp đăng ký lần đầu ngày 11/02/2020.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì anh D, chị H phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng.

Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với anh Trần Công D và chị Lý Thị H về việc ký hợp đồng tín dụng với mục đích bổ sung vay bổ sung chi phí mua xe ô tô cá nhân phục vụ mục đích đi lại nên xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn khi ký kết hợp đồng tín dụng có nơi cư trú và tạm trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng:

[1.2.1] Khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản chị Lý Thị H có nơi thường trú xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa và nơi tạm trú: tổ 21 (nay là tổ 9), phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết vụ án anh D nhận văn bản tố tụng và cam kết giao lại cho chị H, đến ngày 17/8/2023 anh D xác định chị Lý Thị H (vợ anh) sau khi ăn tết âm lịch 2022 thì có đăng ký đi học tiếng Nhật ở Hà Nội để chuẩn bị đi xuất khẩu lao động sang Nhật, do đó ít khi về nhà, anh không biết địa chỉ học cũng như nơi ở của chị H ở Hà Nội, vợ chồng ít liên hệ, anh D đã thông báo cho chị H về việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện nhưng không thấy phản hồi.

[1.2.2] Tại công văn số 20/CV-CAXTT ngày 17/7/2023 và Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xác định chị Lý Thị H có nơi thường trú và nơi ở xóm BM, xã TT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay chị H không có mặt tại địa phương, chị H chưa làm thủ tục đăng ký tạm trú ở đâu.

[1.2.3] Do chưa có căn cứ về việc chị H nhận được thông tin về văn bản được cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã ban hành Thông báo về việc thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số 03/2023/TB-TA ngày 17/8/2023 và gửi Đài tiếng nói Việt Nam, Báo công lý theo quy định. Ngày 18/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng tại xóm BM, xã TT, huyện ĐH nơi thường trú của chị H, mặc dù chị H có mặt nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng, từ chối làm việc với Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đồng thời ngày 21/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã ban hành Thông báo xin rút thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[1.2.4] Tại công văn số 12670/PA08(Đ1) ngày 22/9/2023 Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Nguyên xác định “*Công dân Lý Thị H, sinh ngày 30/3/1992, trú tại BM, TT, Định Hóa, đã được cấp hộ chiếu và sử dụng để xuất cảnh ngày 27/8/2023 qua cửa khẩu Nội Bài*”. Theo quy định Điều 471 Bộ luật dân sự quy định “*Vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đã được một Tòa án Việt Nam thụ lý giải quyết theo quy định về thẩm quyền của Bộ luật này thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết có sự thay đổi quốc tịch, nơi cư trú, địa chỉ của các đương sự*” do đó Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật

[1.2.5] Đối với chị H, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Công D và Lý Thị H.

[2]. Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 32003351.13.02.2020/HĐTD-B BANK và phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL01 - 32003351.13.02.2020/HĐTD-B BANK được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B Chi- Nhánh Thái Nguyên (B BANK) với anh Trần Công D và chị Lý Thị H, ngày 13/02/2020 B BANK đã giải ngân số tiền là: 623.000.000 VNĐ (Sáu trăm hai mươi ba triệu đồng) cho anh D và chị H theo Khế ước nhận nợ số 001-32003351.13.02 2020/HĐTD-BBank ngày 13/02/2020, với mục đích vay là vay bổ sung chi phí mua xe ô tô cá nhân phục

vụ mục đích đi lại. Thời hạn vay trả thành 84 kỳ, 01 tháng/kỳ vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu vào ngày 25/02/2020. Như vậy, B BANK đã thực hiện giải ngân đầy đủ và đúng hạn theo Khế ước nhận nợ của anh D và chị H. Quá trình giải quyết anh D xác định vi phạm nghĩa vụ từ tháng 01/2023, tuy nhiên theo tài liệu do ngân hàng cung cấp anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ 01/11/2021 thể hiện tại Thông báo số 23/TB-BBank ngày 01/11/2021 về việc nợ quá hạn và Tại các Biên bản làm việc ngày 16/11/2021; ngày 06/10/2022; ngày 09/11/2022 và ngày 03/4/2023 anh D đều xác định vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc với ngân hàng. Theo quy định tại Điều 12 Hợp đồng tín dụng về Thu hồi trước hạn: Bên cho vay có quyền thu hồi nợ trước hạn khi phát sinh một trong các sự kiện sau đây khoản 12.1.3 “*Bên vay không trả hay chậm trả nợ*”; khoản 12.1.11 “*Bên vay hai lần vi phạm nghĩa vụ thông báo các thông tin được quy định tại Hợp đồng này hoặc không khắc phục vi phạm trong thời hạn được quy định tại thông báo của Bên cho vay*”, như vậy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải trả nợ toàn bộ số tiền theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận trả nợ gốc: trả thành 84 kỳ, 01 tháng/kỳ vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu vào ngày 25/02/2020, kỳ đầu mỗi kỳ trả 7.416.000 đồng/kỳ, 75 kỳ tiếp theo mỗi kỳ trả 8.002.000 đồng/kỳ bắt đầu vào ngày 25/10/2020. Anh D xác định đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, trong quá trình thanh toán anh D luôn thực hiện trả nợ theo đúng hợp đồng, đến tháng 01/2023 mới không trả được nợ cho ngân hàng và mới vi phạm nghĩa vụ. Trình bày của anh D phù hợp với quan điểm của đại diện BBANK xác định trong quá trình thanh toán anh D nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ tuy nhiên anh D đã thanh toán được 29 kỳ trả nợ tương ứng với số nợ gốc là 236.003.802 đồng đến tháng 01/2023 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của BBANK, buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 với tổng số tiền là: 386.996.198 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu về tính lãi: Giữa B BANK với anh Trần Công D và chị Lý Thị H đã thỏa thuận lãi suất cho vay theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng thỏa thuận Lãi suất trong hạn: cho vay thả nổi 8,99%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, kể từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ) của B BANK tại thời điểm điều chỉnh + biên độ là: 5.5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc, lãi chậm trả: theo mức lãi suất chậm trả

bằng 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

Việc thỏa thuận lãi suất của B BANK và anh D, chị H là sự tự nguyện của các bên, phù hợp với các Quyết định của Ngân hàng về điều chỉnh mức lãi suất với từng thời điểm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của B BANK buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải trả tiền lãi trong hạn, lãi phải trả trên dư nợ gốc và lãi chậm trả trong hạn (theo hợp đồng tín dụng) tính hết ngày 25/9/2023 với tổng số tiền là 27.484.100 đồng trong đó: nợ lãi trong hạn là 24.056.301 đồng; Lãi phải trả trên dư nợ gốc quá hạn: 2.967.320 đồng; Lãi chậm trả: 527.809 đồng).

Buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thấy: Giữa B BANK và anh Trần Công D, chị Lý Thị H ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 32003351.13.02.2020/HĐTC- BBank ngày 13/02/2020 theo hợp đồng anh Trần Công D và chị Lý Thị H đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô hiệu xe: FORD - số loại: RANGER, BKS: 20C -181.01, loại xe tải pickup cabin kép, số chỗ ngồi 05, màu sơn ghi vàng, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062279 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 12/02/2020 cho ông Trần Công D, cấp đăng ký lần đầu ngày 11/02/2020. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại thành phố Hà Nội, số đăng ký 1360319486, đăng ký ngày 13/02/2020. Xét hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bị đơn là chủ sở hữu tài sản với B BANK có nội dung, hình thức phù hợp với các Điều 298 và Điều 317 Bộ luật dân sự 2015, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm do đó Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ký, do đó yêu cầu của B BANK về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện và thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì anh D, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Trình tự thủ tục xử lý tài sản thế chấp tuân theo Luật thi hành án dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP

về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng được chấp nhận, trong quá trình giải quyết nguyên đơn đã nộp chi phí định giá tài sản 4.000.000 đồng căn cứ Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Số tiền chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng 2.000.000 đồng người yêu cầu phải chịu, do đó ngân hàng phải chịu theo quy định pháp luật đến nay đã quyết toán xong nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, 280, 298, 317, 318, 320, 323, 351, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B

1. Buộc anh Trần Công D và chị Lý Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 tổng số tiền là 414.547.628 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu

trăm hai mươi tám đồng). Trong đó (trong đó tiền nợ gốc trong hạn là 320.096.000 đồng, nợ gốc quá hạn 66.900.198 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.056.301 đồng; Lãi phải trả trên dư nợ gốc quá hạn: 2.967.320 đồng; lãi chậm trả: 527.809 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Trần Công D và chị Lý Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh Trần Công D và chị Lý Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B là 01 xe ô tô hiệu xe: FORD - số loại: RANGER, BKS: 20C-181.01, loại xe tải pickup cabin kép, số chỗ ngồi 05, màu sơn ghi vàng.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B, thì anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Về chi phí tố tụng: anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1 Anh Trần Công D và chị Lý Thị H phải chịu 20.581.905 đồng. (Hai mươi triệu, năm trăm tám mươi nghìn, chín trăm linh năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước.

4.2 Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 10.563.000 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000955 ngày 19/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Bích Hiền